

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-PT

Ngày: 10-01-2024

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”,

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hồng Ánh

Các thẩm phán: - ông Tạ Duy Ước.

- ông Bùi Đức Thanh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Phan Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bà Lam Thị Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc: *“Tranh chấp đòi lại tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh bị ông Nguyễn Văn H là bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 145/2023/QĐ-PT ngày 18/12/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: tổ 2, khu V, phường K, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955; địa chỉ: tổ 3, khu B, phường K, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 17/3/2022, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lưu Thị Đ trình bày:

Bà Lưu Thị Đ và ông Nguyễn Văn H kết hôn năm 1981, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện Đông Triều (nay là phường K, thị xã Đông Triều), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà có tạo dựng được tài sản chung là 01

thửa đất diện tích $596,4\text{m}^2$ tại địa chỉ tổ 3, khu B, phường K, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều), tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG138075, ngày 10/8/2006 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Lưu Thị Đ.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên năm 2015 bà đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Tại bản án số 23/2015/HNGĐ-ST ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định có nội dung thể hiện:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Đ về việc xin ly hôn.

Xử bà Lưu Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về tài sản: Bà Lưu Thị Đ được quyền sử dụng đất diện tích $92,5\text{m}^2$ giới hạn bởi các điểm A1,B1,D,D1,A1, chiều dài $A1,D1 = B1,D = 18,5\text{m}$, chiều rộng $A1,B1 = D,D1 = 5,0\text{m}$ (có sơ đồ kèm theo) và ngoài ra còn quyết định về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, án phí, chi phí tố tụng đối với ông Nguyễn Văn H.

Sau đó ông Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Theo Bản án phúc thẩm số: 04/2016/HNGĐ-PT ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, tại phần Quyết định, có tuyên:

“...Về tài sản:

- Bà Lưu Thị Đ được quyền sử dụng diện tích đất $92,5\text{m}^2$, giới hạn bởi các điểm A1,B1,D,D1,A1, chiều dài $A1,D1 = B1,D = 18,5\text{m}$, chiều rộng $A1,B1 - D,D1 = 5,0\text{m}$; Có tứ cận: Bắc giáp đường liên khu; Nam giáp đất ở của ông H, Đông giáp rãnh nước giới hạn bởi các điểm B1,B,C,D,B1 có chiều dài $B1,D = B,C = 18,5\text{m}$, chiều rộng $B,B1 = C,D = 20\text{cm}$, liền kề hộ nhà ông Mưu, Tây giáp phần đất đã giao cho ông H; vị trí tại: tổ 3, khu B, phường K, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (Có sơ đồ kèm theo).

- Ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian cùng quán bán hàng, bếp, vật kiến trúc khác gắn liền quyền sử dụng diện tích đất $503,9\text{m}^2$, giới hạn bởi các điểm A,A1,D1,D,E,F,G,H,I,J,K,L,M,A có tứ cận: Bắc giáp đường liên khu; Nam giáp hộ ông Tiên, Đông giáp đất bà Đ, Tây giáp ngõ liên gia, Vị trí tại: tổ 3, khu B, phường K, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (Có sơ đồ kèm theo)...”

Sau khi nhận được bản án phúc thẩm nêu trên, do không hiểu biết pháp luật nên bà chỉ làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chênh lệch tài sản mà ông H có

nghĩa vụ trả cho bà theo bản án có hiệu lực pháp luật. Riêng phần tài sản là quyền sử dụng đất mà bà được chia thì bà chưa làm đơn yêu cầu thi hành án và đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật. Do bà tự biết mình không có trở ngại khách quan trong thời hiệu yêu cầu thi hành án nên bà đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H phải trả lại phần diện tích đất mà bà được chia theo bản án đã có hiệu lực pháp luật. Đồng thời tại Công văn số 166/CV-CCTHADS ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều có nội dung thể hiện: hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều không thụ lý giải quyết đơn yêu cầu thi hành án của bà Lưu Thị Đ đối với khoản “*Bà Lưu Thị Đ được quyền sử dụng diện tích 92,5m²...*” và về thời hiệu yêu cầu thi hành án theo Bản án phúc thẩm số 04/2016/HNGĐ-PT ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với bà Lưu Thị Đ thời, điểm 30/3/2022 đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án. Trường hợp bà Đ làm đơn yêu cầu thi hành án phải chứng minh được các nội dung phù hợp với khoản 3 Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ vì những lý do sau: ông và bà Đ về chung sống với nhau từ năm 1981, vì nhiều lý do lúc đó nên mãi đến năm 2013, ông và bà Đ mới đi đăng ký kết hôn, cuối năm 2015 vợ chồng ông đã đề nghị giải quyết ly hôn và chia tài sản chung tại Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, sau đó cấp phúc thẩm đã xét xử lại, theo đó có giải quyết chia tài sản chung của hai vợ chồng ông, ngoài việc chia tài sản là tiền chênh lệch tài sản thì việc chia tài sản là quyền sử dụng đất trên khu đất lúc đó hai vợ chồng ở là gần 596m² tại tổ 3, khu B, phường K, thị xã Đông Triều. Tòa cấp phúc thẩm đã chia cho bà Đ 92,5m² còn lại là quyền sử dụng đất của ông. Tuy nhiên, ông không đồng ý với cách chia của Tòa án trước đây là bởi vì toàn bộ thửa đất gần 596m² này là thuộc quyền sử dụng của bố đẻ ông là ông Nguyễn Văn Mưu (đã chết) và bố ông đã cho cá nhân ông 300m² đất, số diện tích đất còn lại bố ông dùng để làm nhà thờ, sau đó ông có xây ngôi nhà nhỏ trên mảnh đất bố ông cho, xây xong ông mới cưới bà Đ. Như vậy, bà Đ yêu cầu đòi 92,5m² đất như bản án phúc thẩm đã tuyên là không đúng và không có quyền, sau khi bố ông cho thì chỉ mang tên một mình ông là Nguyễn Văn H. Từ những lý do trên, ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Đ về việc yêu cầu ông phải trả lại cho bà Đ 92,5m² đất như bản án đã tuyên. Đối với diện tích đất 92,5m² này không có thay đổi gì về hiện trạng kể từ thời điểm xét xử phúc thẩm năm 2016 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H trình bày: từ khi bản án phúc thẩm có hiệu lực cho đến nay ông đã nhiều lần làm đơn đề nghị xem xét bản án theo trình tự giám đốc thẩm gửi Tòa án nhân dân tối cao theo đường bưu điện nhưng không được trả lời.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã có Công văn số 62/2023/CV-TA ngày 13/4/2023 đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trả lời nội dung về việc hiện có đang thụ lý giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm của ông Nguyễn Văn H đối với bản án số 04/2016/HNGĐ-PT ngày 14/3/2016 hay không?

Tại công văn số 788/CV-TA ngày 12/6/2023, của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có nội dung thể hiện: *“Sau khi nhận được công văn của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trả lời như sau: Hệ thống phần mềm quản lý đơn của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hiện nay thể hiện Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không nhận được đơn của ông Nguyễn Văn H đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 04/2016/HNGĐ-PT ngày 14/3/2016 của Tòa nhân dân tỉnh Quảng Ninh...”*

Đến ngày 21/7/2023, Tòa án nhân dân tối cao có văn bản gửi cho ông Nguyễn Văn H có nội dung thể hiện: *Tòa án nhân dân tối cao nhận được đơn của một số công dân, tổ chức có nội dung thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Sau khi nghiên cứu đơn, Tòa án nhân dân tối cao chuyển các đơn thư nêu trên (có danh sách kèm theo) đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.*

Tại Thông báo trả lại đơn số 1746/TB-TA ngày 19/8/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có nội dung: *Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã nhận được đơn gửi ngày 05/7/2023 của ông Nguyễn Văn H có nội dung đề nghị giám đốc thẩm đối với bản án số 04/2016/HNGĐ-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ Điều 334 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn đề nghị giám đốc thẩm của ông H đã quá 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo để ông Nguyễn Văn H biết và trả lại đơn cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho ông H.*

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 221, Điều 235 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giao tài sản cho bà Lưu Thị Đ và ông H không phải thi hành án số tiền 117.907.000đ (một trăm mười bảy triệu chín trăm linh bảy nghìn đồng) theo bản án số 04/2016/HNGĐ-PT ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tuyên.

* Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2022 đối với tài sản tranh chấp là phần diện tích đất 92,5m² có vị trí tại tổ 3, khu B, phường K, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, được giới hạn bởi các điểm A, B, 3, 4, C, D, A theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/11/2022 của Công ty cổ phần kỹ thuật môi trường Thời Đại, biên bản xác minh ngày 01/03/2023, 02 biên bản xác minh cùng ngày 31/7/2023 và diễn biến tại phiên tòa thể hiện: tài sản tranh chấp là diện tích đất 92,5m² đã được giao cho bà Lưu Thị Đ theo bản án số 04/2016/HNGĐ-PT ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh vẫn giữ nguyên hiện trạng từ khi xét xử đến nay, không có thay đổi gì và đất không có tranh chấp với các hộ liền kề. Tuy nhiên phần diện tích đất trên theo sơ đồ đo vẽ theo bản án số 23/2015/HNGĐ-ST ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều không chính xác như kết quả đo vẽ ngày 25/11/2022. Cụ thể: cạnh thửa đất tiếp giáp với hộ ông Nguyễn Văn Mưu (nay là bà Vũ Thị Sinh) thể hiện gấp khúc tại điểm C (theo sơ đồ năm 2015 đo vẽ là đường thẳng). Nguyên nhân là do sơ đồ năm 2015 được đo vẽ thủ công bằng thước dây nên chưa chính xác. Đồng thời, bà Lưu Thị Đ cũng có quan điểm nhất trí đòi lại diện tích đất 92,5m² theo sơ đồ đo vẽ ngày 25/11/2022.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã tuyên:

Căn cứ vào: Khoản 2, 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 221, Điều 235, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Án lệ số 50/2021/AL về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 và được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Đ về việc kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả lại cho bà Lưu Thị Đ tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 92,5m² được giới hạn bởi các điểm A, B, 3, 4, C, D, A theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/11/2022 của Công ty cổ phần kỹ thuật môi

trường Thời Đại. Vị trí: phía Bắc giáp đường liên khu, phía Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn H, phía Đông giáp rãnh nước được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 7, D, C, 4 có chiều rộng 4, 5 = 6, C = 7, D = 20cm, có chiều dài 5, 6, 7 = 18,77m và 4, C, D = 18,51m, liền kề hộ bà Vũ Thị Sinh. Phía Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn H (Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, về lãi suất chậm trả trong trường hợp chậm thi hành án, về án phí, về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 16/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, đề nghị xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Lưu Thị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thống nhất được với nhau về giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự, đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: kháng cáo của ông Nguyễn Văn H được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày:

Ông không đồng ý với bản án sơ thẩm vì những lý do sau: ông H và bà Đ về chung sống với nhau từ năm 1981, vì nhiều lý do lúc đó nên mãi đến năm 2013, ông và

bà Đ mới đi đăng ký kết hôn, cuối năm 2015 vợ chồng ông đã đề nghị giải quyết ly hôn và chia tài sản chung tại Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, sau đó cấp phúc thẩm đã xét xử lại, theo đó có giải quyết chia tài sản chung của hai vợ chồng ông, ngoài việc chia tài sản là tiền chênh lệch tài sản thì việc chia tài sản là quyền sử dụng đất trên khu đất lúc đó hai vợ chồng ở là gần 596m² tại tổ 3, khu B, phường K, thị xã Đông Triều. Tòa cấp phúc thẩm đã chia cho bà Đ 92,5m² còn lại là quyền sử dụng đất của ông. Tuy nhiên ông không đồng ý với cách chia của Tòa án trước đây là bởi vì toàn bộ thửa đất gần 596m² này là thuộc quyền sử dụng của bố đẻ ông là ông Nguyễn Văn Mưu (đã chết) và bố ông đã cho cá nhân ông 300m² đất, số diện tích đất còn lại bố ông dùng để làm nhà thờ, sau đó ông có xây ngôi nhà nhỏ trên mảnh đất bố ông cho, xây xong ông mới cưới bà Đ. Như vậy, bà Đ yêu cầu đòi 92,5m² đất như bản án phúc thẩm đã tuyên là không đúng và không có quyền, sau khi bố ông cho thì chỉ mang tên một mình ông là Nguyễn Văn H. Từ những lý do trên ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Đ về việc yêu cầu ông phải trả lại cho bà Đ 92,5m² đất như bản án đã tuyên. Đối với diện tích đất 92,5m² này không có thay đổi gì về hiện trạng kể từ thời điểm xét xử phúc thẩm năm 2016 đến nay.

Xét thấy, tại bản án dân sự phúc thẩm số 04/2016/HNGĐ-PT ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tuyên giao cho bà Lưu Thị Đ được quyền sử dụng diện tích 92,5m² đất, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó bà Lưu Thị Đ được xác lập quyền quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn H trình bày: từ khi bản án phúc thẩm có hiệu lực cho đến nay ông đã nhiều lần làm đơn đề nghị xem xét bản án theo trình tự giám đốc thẩm gửi Tòa án nhân dân tối cao theo đường bưu điện nhưng không được trả lời.

Tại Thông báo trả lại đơn số 1746/TB-TA ngày 19/8/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có nội dung: *Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã nhận được đơn gửi ngày 05/7/2023 của ông Nguyễn Văn H có nội dung đề nghị giám đốc thẩm đối với bản án số 04/2016/HNGĐ-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ Điều 334 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn đề nghị giám đốc thẩm của ông H đã quá 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo để ông Nguyễn Văn H biết và trả lại đơn cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho ông H.*

Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Đ, buộc ông Nguyễn Văn H phải trả lại cho bà Lưu Thị Đ tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 92,5m² tại địa chỉ tổ 3, khu B, phường K, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với Án lệ số 50/2021/AL về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 481/2012/DS-GĐT ngày 25-9-2012 của Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 và được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Nội dung kháng cáo nêu trên của ông Nguyễn Văn H không có cơ sở chấp nhận.

Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H không đồng ý với Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Bùng phải trả cho bà Lưu Thị Đ 11.700.000đ tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau:

Điều 157 quy định: “*Trường hợp các bên đương sự không có thoả thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định như sau:*

1. Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”.

Điều 165 quy định: “*Trường hợp các bên đương sự không có thoả thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản, thẩm định giá được xác định như sau:*

1. Đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”.

Điều 158 quy định: “*1. Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ”.*

Điều 166 quy định: “*1. Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản không phải chịu chi phí định giá thì người phải chịu chi phí định giá theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá”.*

Yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng diện tích 92,5m² đất của bà Lưu Thị Đ được chấp nhận, vì vậy bản án sơ thẩm tuyên buộc ông H phải chịu tiền chi

phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản có căn cứ, đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông H.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Kháng cáo của ông Nguyễn Văn H không được chấp nhận, như do ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi và có đơn xin được miễn tiền án phí vì vậy xét cho ông H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 16/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Áp dụng khoản 2 và khoản 9 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 221, Điều 235, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Án lệ số 50/2021/AL về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 và được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Đ về việc kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả lại cho bà Lưu Thị Đ tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 92,5m² được giới hạn bởi các điểm A, B, 3, 4, C, D, A theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/11/2022 của Công ty cổ phần kỹ thuật môi trường Thời Đại. Vị trí: phía Bắc giáp đường liên khu, phía Nam giáp phần đất của ông

Nguyễn Văn H, phía Đông giáp rãnh nước được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 7, D, C, 4 có chiều rộng 4, 5 = 6, C= 7, D = 20cm, có chiều dài 5, 6, 7 = 18,77m và 4, C, D = 18,51m, liền kề hộ bà Vũ Thị Sinh. Phía Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn H (Có sơ đồ kèm theo).

2. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Lưu Thị Đ số tiền là 11.700.000đ (mười một triệu bảy trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng trong đó chi phí xem xét thẩm định tài sản là 7.700.000đ (bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) và chi phí định giá tài sản là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ninh.
- TAND TX Đông Triều;
- Chi cục THADS TX Đông Triều;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Ánh

